

Bản án số: 60/2025/DS-ST

Ngày: 15-8-2025

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đàm Kiên Dân;

2. Ông Bành Quốc Trung;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963;

Địa chỉ: C M, khu phố F, phường L, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2/ *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch C, sinh năm 1966;

Chị Cao Thị Yến T1, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: khu phố V, phường G, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3/ *Người làm chứng:*

Bà Ngô Thị Tuyết M, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T là ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Ngày 09/12/2024 bà Nguyễn Thị Kim T cho bà Nguyễn Thị Bạch C và chị Cao Thị Yến T1 vay số tiền 310.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 05%/ tháng, tiền lãi trả hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 09/12/2024. Sau 45 ngày trả số tiền vốn là 150.000.000 đồng, 45 ngày tiếp theo trả số tiền vốn vay còn lại là 160.000.000 đồng. Khi bà C, chị T1 nhận đủ số tiền vốn vay 310.000.000 đồng rồi ký vào Giấy thoả thuận mượn tiền ngày 09/12/2024 và Hợp đồng vay tiền được Công chứng tại Văn phòng C1 ngày 09/12/2024. Từ khi nhận đủ tiền vốn vay đến nay bà C, chị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn, tiền lãi như thoả thuận.

Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Yêu cầu bà Nguyễn Thị Bạch C, chị Cao Thị Yến T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vốn vay là 310.000.000 đồng. Xin rút yêu cầu tính lãi.

** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Bạch C trình bày:*

Vào khoảng tháng 06 năm 2023 bà có vay của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng. Bà có trả cho bà Kim T số tiền lãi 11 tháng là 187.000.000 đồng (mỗi tháng là 17.000.000 đồng). Sau đó bà không có khả năng trả tiền lãi nên bà T đã cộng 60.000.000 đồng tiền lãi còn nợ vào số tiền gốc là 250.000.000 đồng thành số tiền 310.000.000 đồng và yêu cầu bà và chị T1 ra công chứng ký tên vay tiền cùng với đó là yêu cầu ký tên vào giấy viết tay. Bà và con bà là chị T1 vẫn đồng ý ký tên xác nhận. Nay tại tòa, bà C đồng ý trả cho bà T số tiền gốc là 310.000.000 đồng nhưng bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh khó khăn.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Cao Thị Yến T1 trình bày:*

Việc mẹ chị là bà C nợ tiền bà T chị có nghe mẹ chị nói lại vì mẹ vay tiền của bà T để xây nhà. Chị có ký tên vào hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng, giấy tay thoả thuận mượn tiền và giấy xác nhận tiền lãi, tuy nhiên là do bà T yêu cầu, chị không có nhận tiền từ bà T, bà T yêu cầu chị ký tên để làm chứng, xác nhận mẹ chị là bà C có thiếu tiền. Chị chỉ xin bà T cho trả từ từ do không có khả năng trả một lần.

** Tại bản tự khai bà Ngô Thị Tuyết M là người làm chứng trình bày:*

Bà có chứng kiến bà T, bà C và chị T1 cùng lập giấy xác nhận tiền lãi ngày 24/4/2025 với nội dung bà C, chị T1 có vay tiền của bà T số tiền 310.000.000 đồng, tính đến ngày 24/4/2025 chưa thực hiện trả lãi cho chị T. Bà xin vắng trong quá trình giải quyết vụ án.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại phường G, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào các Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn, bị đơn bà C, chị T1 có mặt. Người làm chứng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[4]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 310.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi. Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn có cung cấp Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 09/12/2024 (có công chứng); giấy thoả thuận mượn tiền ngày 09/12/2024 (giấy tay); xác nhận tiền lãi ngày 24/4/2025 (giấy tay) có chữ ký của bà T, bà C và chị T1 xác nhận. Bị đơn bà C, chị T1 thừa nhận có ký tên vào các hợp đồng và biên nhận do nguyên đơn cung cấp.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên thừa nhận và thể hiện qua các hợp đồng vay tiền, giấy thoả thuận mượn tiền, xác nhận tiền lãi mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong hợp đồng và giấy tay thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền tổng cộng là 310.000.000 đồng đến ngày 24/4/2025 chưa trả lãi, các bên thống nhất thời gian trả tiền là 03 tháng kể từ ngày vay là 09/12/2024; trong hợp đồng công chứng thể hiện lãi suất 0%.

Bà C cho rằng trong số tiền 310.000.000 đồng có 250.000.000 đồng vốn gốc và 60.000.000 đồng tiền lãi là không có căn cứ vì ngoài lời trình bày ra bà không có gì khác để chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận.

Chị T1 cho rằng chỉ ký tên làm chứng là không có cơ sở, bởi lẽ chị T1 là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, chị đã ký xác nhận vào mục “người mượn tiền, đã nhận đủ” thì chị phải có trách nhiệm đối với việc ký tên xác nhận của mình nên việc nguyên đơn yêu cầu chị T1 cùng có trách nhiệm với bà C trả nợ cho bà T là phù hợp.

Đối với yêu cầu trả lãi: Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu trả lãi là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Xét thấy số tiền trên bà C, chị T1 vay đã lâu, khi vay có quy định thời gian trả vốn nhưng bà và chị đã không trả tiền cho bà T đúng thoả thuận, đã vi phạm thoả thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C, chị T1 trả vốn và lãi nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện. Việc bị đơn xin trả dần là cố tình kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà C, chị T1.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 229, 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị Bạch C và chị Cao Thị Yến T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền là 310.000.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Bạch C và chị Cao Thị Yến T1 phải chịu 15.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.340.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001442 ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh ĐT;
- VKSND KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo